



- Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") (mã CK: HAG) giải trình biến động kết quả hoạt động kinh doanh và ý kiến nhấn mạnh của kiểm toán viên trên Báo cáo tài chính ("BCTC") Hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán như sau:

I. Giải trình biến động kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2022 và Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán:

ĐVT: Ngân VND

Khoản mục	BCTC hợp nhất năm 2022 (Đã kiểm toán)	BCTC hợp nhất năm 2021 (Đã kiểm toán)	Biến động
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.124.674.840	127.606.111	997.068.729

Nguyên nhân biến động chủ yếu như sau:

- Lợi nhuận gộp tăng 666.430.791 ngàn VND, nguyên nhân chủ yếu do lợi nhuận bán trái cây và bán heo trong năm 2022 tăng cao so với năm 2021.
- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 248.934.899 ngàn VND, nguyên nhân chủ yếu là lãi từ việc thanh lý các khoản đầu tư giảm so với năm 2021.
- Chi phí tài chính tăng 558.854.208 ngàn VND, nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2022 Tập đoàn đã trích dự phòng các khoản đầu tư vào Nhóm Công ty HNG. Bên cạnh đó, lỗ chênh lệch tỷ giá cũng tăng cao so với năm 2021.
- Chi phí bán hàng tăng 122.651.643 ngàn VND, nguyên nhân chủ yếu do hoạt động mua bán trái cây và heo trong kỳ tăng cao dẫn đến chi phí bán hàng tăng theo.
- Chi phí quản lý giảm 1.175.615.285 ngàn VND, nguyên nhân biến động chủ yếu là do năm 2022 Tập đoàn đã tăng hoàn nhập dự phòng liên quan đến các khoản công nợ phải thu.

II. Giải trình ý kiến nhấn mạnh trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán:

Trong BCTC hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán, kiểm toán viên có nhấn mạnh đến khoản lỗ lũy kế là 3.341.007.157 ngàn VND, và tại ngày này, nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 1.179.502.574 ngàn VND. Các điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.6 cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn

Trong năm 2023, doanh thu từ bán trái cây và heo tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu và đem lại nguồn tiền chính cho Tập đoàn. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc thanh lý các khoản đầu tư tài chính, thu hồi nợ từ các đối tác và dòng tiền tạo ra từ các dự án đang triển khai. Tập đoàn cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay có liên quan. Theo đó, Tập đoàn có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Trụ Sở Chính: 15 Trường Chinh, Phường Phú Đồng, Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Tel: (+84) 0269 2225 888 Fax: (+84) 0269 2222 335 Email: info@hagl.com.vn

tục hoạt động trong kỳ kế toán tiếp theo. Dựa trên các cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn tiến hành lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đáp ứng giá định hoạt động liên tục.

Trên đây là giải trình của Công ty về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán.

Trân trọng kính chào.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI
TỔNG GIÁM ĐỐC



VÕ TRƯỜNG SƠN

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT-KH&ĐT



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 82

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch "HAG".

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp, ba (3) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; kinh doanh khách sạn; trồng và kinh doanh trái cây và các loại cây trồng khác; chăn nuôi và kinh doanh heo, bò; sản xuất và mua bán cây giống; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên độc lập	
Ông Trần Văn Dai	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên độc lập	miễn nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng Ban
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo là Ông Võ Trường Sơn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 60752790/22989183-YE-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập vào ngày 31 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 82 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập Đoàn có khoản lỗ lũy kế là 3.341.007.157 ngàn VND, và tại ngày này, nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 1.179.502.574 ngàn VND. Các điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.6 cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2023-004-1



Dương Phúc Kiên
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4613-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		8.038.560.913	7.051.853.577
110	I. Tiền	5	72.372.525	78.298.037
111	1. Tiền		72.372.525	78.298.037
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		6.765.361.545	6.535.652.693
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	906.404.137	553.790.175
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	766.151.359	147.090.473
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	4.017.224.678	6.516.258.180
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.155.995.000	785.572.698
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7, 8, 9	(80.413.629)	(1.467.058.833)
140	III. Hàng tồn kho	10	1.148.037.609	410.031.564
141	1. Hàng tồn kho		1.150.379.184	413.734.969
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.341.575)	(3.703.405)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		52.789.234	27.871.283
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	17	17.274.977	7.124.641
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	20	32.372.352	17.611.524
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	3.141.905	3.135.118
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		11.759.826.640	11.387.831.414
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.430.132.241	2.958.712.989
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	1.745.420.930	2.452.838.426
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	702.237.574	649.545.621
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	8, 9	(17.526.263)	(143.671.058)
220	II. Tài sản cố định		3.821.150.484	2.809.669.569
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	3.559.467.131	2.686.778.608
222	Nguyên giá		4.624.944.890	3.518.323.463
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.065.477.759)	(831.544.855)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	261.683.353	122.890.961
228	Nguyên giá		291.426.419	145.540.126
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(29.743.066)	(22.649.165)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	59.975.442	62.606.294
231	1. Nguyên giá		74.075.831	74.075.831
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(14.100.389)	(11.469.537)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		4.620.301.248	3.495.149.075
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	4.620.301.248	3.495.149.075
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	16	441.689.596	1.778.826.680
252	1. Đầu tư vào các công ty liên kết		-	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		1.049.961.081	1.781.156.721
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(608.271.485)	(2.330.041)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		386.577.629	282.866.807
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	370.108.968	271.900.161
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	32.2	16.468.661	10.966.646
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		19.798.387.553	18.439.684.991

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		14.603.644.212	13.766.451.651
310	I. Nợ ngắn hạn		9.218.063.487	6.754.505.795
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	535.119.892	359.479.015
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	629.603.992	528.938.858
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	8.789.821	7.155.321
314	4. Phải trả người lao động		80.012.780	98.870.565
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	3.857.898.088	3.088.705.929
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	81.818
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	106.050.215	161.601.224
320	8. Vay ngắn hạn	23	4.000.485.189	2.509.569.555
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		103.510	103.510
330	II. Nợ dài hạn		5.385.580.725	7.011.945.856
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	21	490.236.779	653.649.038
337	2. Phải trả dài hạn khác	22	308.838.184	65.398.026
338	3. Vay dài hạn	23	4.165.134.234	5.776.845.065
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.2	416.006.694	510.611.231
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		5.364.834	5.442.496
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.194.743.341	4.673.233.340
410	I. Vốn chủ sở hữu		5.194.743.341	4.673.233.340
411	1. Vốn cổ phần	24.1	9.274.679.470	9.274.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.274.679.470	9.274.679.470
415	2. Cổ phiếu quỹ	24.1	(686.640)	(686.640)
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	24.1	(1.221.066.442)	(602.619.336)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	24.1	282.410.699	282.410.699
421	5. Lỗ lũy kế	24.1	(3.341.007.157)	(4.467.100.553)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(4.469.752.553)	(4.670.130.714)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		1.128.745.396	203.030.161
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25	200.413.411	186.549.700
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		19.798.387.553	18.439.684.991


Nguyễn Thị Hạnh Thương
Người lập


Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng


Võ Trương Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2023


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	5.197.982.826	2.187.415.636
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27.1	(87.200.939)	(89.997.270)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	5.110.781.887	2.097.418.366
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	(3.937.380.869)	(1.590.448.139)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.173.401.018	506.970.227
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	486.143.713	735.078.612
22	7. Chi phí tài chính	29	(1.649.147.246)	(1.090.293.038)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(793.176.972)	(971.878.185)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết		-	(5.819.760)
25	9. Chi phí bán hàng	30	(251.938.809)	(129.287.166)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	1.349.894.514	174.279.229
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.108.353.190	190.928.104
31	12. Thu nhập khác	31	35.975.907	79.670.972
32	13. Chi phí khác	31	(116.111.269)	(401.205.709)
40	14. Lỗ khác	31	(80.135.362)	(321.534.737)
50	15. Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		1.028.217.828	(130.606.633)
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	(3.649.540)	(885.768)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	32.2	100.106.552	259.098.512
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.124.674.840	127.606.111
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		1.128.745.396	203.030.161
62	20. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(4.070.556)	(75.424.050)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	26	1.217	219
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	26	1.217	219



Nguyễn Thị Hạnh Thương
Người lập



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Mã Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		1.028.217.828	(130.606.633)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	11, 12 13	337.569.217	870.230.953
03	Hoàn nhập dự phòng		(908.288.047)	(885.411.353)
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		222.844.063	(104.788.770)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(438.812.767)	(455.074.138)
06	Chi phí lãi vay	29	793.176.972	971.878.185
07	Các điều chỉnh khác		-	1.759.669
08	Lợi nhuận của hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.034.707.266	267.987.913
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		22.964.621	(605.054.037)
10	Tăng hàng tồn kho		(595.021.928)	(264.123.046)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(251.359.212)	82.660.109
12	Tăng chi phí trả trước		(107.385.162)	(54.040.134)
14	Tiền lãi vay đã trả		(63.237.554)	(65.501.069)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	32.1	(3.332.591)	(2.205.764)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		37.335.440	(640.276.028)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác		(544.321.349)	(1.215.681.721)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		17.965.272	227.716.258
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(2.165.452.268)	(2.910.721.238)
24	Tiền thu hồi cho vay		2.330.063.239	1.889.196.184
25	Tiền chi để đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(232.446.836)	(108.511.316)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		791.244.823	3.332.388.023
27	Tiền thu lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		53.169.424	74.291.023
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		250.222.305	1.288.677.213

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Cổ đông thiểu số góp vốn	25	22.594.000	55.000
33	Tiền thu từ đi vay	23	1.802.441.405	1.458.994.671
34	Tiền trả nợ gốc vay	23	(2.118.518.662)	(2.126.304.017)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(293.483.257)	(667.254.346)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(5.925.512)	(18.853.161)
60	Tiền đầu năm		78.298.037	97.151.198
70	Tiền cuối năm	5	72.372.525	78.298.037

Nguyễn Thị Hạnh Thương
Người lập

Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Quyết định số 124/QĐ-SGDCKHCM do SGDCKHCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch “HAG”.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp, ba (3) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết với chi tiết như sau :

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
Lĩnh vực nông nghiệp				
(1) Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	98,00	98,00
(2) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	98,00
(3) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay (“Khăn Xay”)	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00	98,00
(4) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai (“Chăn nuôi Gia Lai”)	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	88,03	88,03
(5) Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Mang Yang	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	51,00	44,90
(6) Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	55,00	55,00
(7) Công ty Cổ Phần Gia súc Lơ Pang	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	99,75
Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh và dịch vụ				
(8) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	99,97
(9) Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai (“Bệnh viện HAGL”)	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00	99,93
(10) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động (i)	100,00	100,00
Công ty liên kết				
(1) Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	25,00	25,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có bốn (4) chi nhánh với chi tiết như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc				
Dịch vụ hàng hóa - xây dựng				
(1) Chi nhánh Nguyên vật liệu - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
(2) Chi nhánh Cơ khí - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
(3) Chi nhánh Chế biến Hoa quả - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
Quản lý bất động sản và khách sạn				
(4) Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-

(i) Tình trạng trước hoạt động là tình trạng công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; kinh doanh khách sạn; trồng và kinh doanh trái cây và các loại cây trồng khác; chăn nuôi và kinh doanh heo, bò; sản xuất và mua bán cây giống; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên ký kết hợp đồng lao động dài hạn của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 2.754 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.753).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Tập đoàn vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu các công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lỗ lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Tập đoàn sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Tập đoàn trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn có khoản lỗ lũy kế là 3.341.007.157 ngàn VND, và tại ngày này, nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 1.179.502.574 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Tập đoàn cũng đang vi phạm một số cam kết đối với hợp đồng vay và trái phiếu như được trình bày tại Thuyết minh số 23. Những điều kiện này cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc thanh lý một phần các khoản đầu tư tài chính, thu hồi nợ từ các đối tác, dòng tiền từ việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các cổ đông, tiền đi vay các ngân hàng thương mại và dòng tiền tạo ra từ các dự án đang triển khai. Tập đoàn cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay có liên quan. Theo đó, Tập đoàn có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong kỳ kế toán tiếp theo. Dựa trên các cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn tiến hành lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Chi phí công trình dở dang - Hợp đồng xây dựng

Chi phí công trình dở dang xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là chi phí công trình dở dang - Hợp đồng xây dựng theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của chi phí công trình dở dang bao gồm:

- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của chi phí công trình dở dang trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của chi phí công trình dở dang đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành công trình dở dang đó và chi phí chung được phân bổ trên hạng mục hoàn tất tương ứng của công trình dở dang đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây trồng lâu năm	10 - 20 năm
Quyền sử dụng đất	20 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn (tiếp theo)

Khấu hao các vườn cây

Chi tiết như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)		
	Vườn cây chuối (i)	Vườn cây mít (ii)	Vườn cây xoài (iii)
Năm thứ 1	10,00	0,80	0,30
Năm thứ 2	10,00	1,80	1,00
Năm thứ 3	10,00	4,10	2,20
Năm thứ 4	10,00	5,80	4,30
Năm thứ 5	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 6	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 7	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 8	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 9	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 10	Giá trị còn lại	5,80	5,80
Năm thứ 11		5,80	5,80
Năm thứ 12		5,80	5,80
Năm thứ 13		5,80	5,80
Năm thứ 14		5,80	5,80
Năm thứ 15		5,80	5,80
Năm thứ 16		4,70	5,80
Năm thứ 17		4,70	5,80
Năm thứ 18		4,70	5,80
Năm thứ 19		4,70	5,80
Năm thứ 20		Giá trị còn lại	Giá trị còn lại

Vườn cây ăn quả

Ban Tổng Giám đốc ước tính tiêu chuẩn xác định vườn cây đủ điều kiện khai thác để hạch toán tài sản và trích khấu hao khi tỷ lệ đậu trái đạt trên 50% số cây trồng trong lô kể từ thời gian xử lý ra trái.

- (i) Khấu hao đối với vườn cây chuối được thực hiện dựa trên Quyết định số 0106/QĐ-HAGL Agrico ngày 1 tháng 6 năm 2020 hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây chuối theo chu kỳ khai thác.
- (ii) Khấu hao đối với vườn cây mít được thực hiện dựa trên Quyết định số 0111/QĐ-HAGL Agrico ngày 1 tháng 11 năm 2018 hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây mít theo chu kỳ khai thác.
- (iii) Khấu hao đối với vườn cây xoài được thực hiện dựa trên Quyết định số 0101/18/QĐ-HAGL Agrico ngày 2 tháng 1 năm 2018 hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây xoài theo chu kỳ khai thác.
- (iv) Khấu hao đối với các vườn cây còn lại được thực hiện dựa trên các Quyết định khác có liên quan của Ban Tổng Giám đốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao và/hoặc giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	30 năm
Quyền sử dụng đất	36 - 43 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển các tòa nhà, vườn cây của Tập đoàn mà các dự án này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc của Tập đoàn như chi phí xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí có liên quan khác.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cây cọ dầu, vườn cây ăn quả và các vườn cây khác như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

Dự án chăn nuôi

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển dự án chăn nuôi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Trường hợp tài sản cho thuê dài hạn thỏa các điều kiện sẽ được ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, trừ khi các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các kỳ mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước, chi phí phát triển vườn cây ăn quả, chi phí khai hoang, chi phí phát triển cầu thủ và các chi phí khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- ▶ Chi phí phát triển cây ăn quả, vườn cây khác, chi phí khai hoang bao gồm: chi phí giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Các chi phí này được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của từng loại cây. Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này; và
- ▶ Chi phí dự án chăn nuôi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa là mười (10) năm. Định kỳ Tập đoàn đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích của cổ đông không kiểm soát của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông không kiểm soát được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Trường hợp trước đây công ty mẹ đã thoái một phần vốn tại công ty con và đã ghi nhận kết quả từ việc thoái phần vốn đó trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) của bảng cân đối kế toán hợp nhất, nay thoái thêm một phần vốn đầu tư tại công ty con dẫn đến mất quyền kiểm soát thì công ty mẹ phải kết chuyển phần lãi, lỗ đã ghi nhận trước đây trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 *Mua tài sản và hợp nhất kinh doanh*

Tập đoàn mua các công ty con sở hữu tài sản và có các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại thời điểm mua, Tập đoàn sẽ xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận.

3.14 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào các công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của các công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của các công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào các công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào đơn vị khác

Đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.16 Dự phòng

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.17 Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu

Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận/(lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận/(lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) và đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo các nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân trong năm; và
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

3.19 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

▶ *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.21 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.24 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm (trồng cây, thương mại và dịch vụ). Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn dựa theo địa điểm của tài sản.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 Mua Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang (“Lơ Pang”)

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2022, Tập đoàn đã hoàn tất nghiệp vụ mua 50.000.000 cổ phần, tương đương 99,75% tỷ lệ sở hữu trong Lơ Pang từ các cổ đông hiện hữu với tổng giá trị chuyển nhượng là 2.384.000.000 ngàn VND. Theo đó, Lơ Pang đã trở thành công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này. Tại ngày mua, Lơ Pang sở hữu diện tích đất canh tác nông nghiệp tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam là 2.129 ha. Chênh lệch giữa giá trị đầu tư và giá tài sản thuần của Lơ Pang phát sinh từ giao dịch này là 1.860.352.406 ngàn VND.

Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và đánh giá rằng việc mua cổ phần của Lơ Pang là mua tài sản, không phải là hợp nhất kinh doanh, cụ thể là phần diện tích đất cho mục đích phát triển các cây trồng nông nghiệp và xây dựng hệ thống chuồng trại chăn nuôi sau này. Giá phí của các giao dịch này được phân bổ cho các tài sản, nợ phải trả được mua dựa trên giá trị hợp lý tạm tính tương ứng của các tài sản, nợ phải trả đó tại ngày mua. Theo đó, một phần giá phí phân bổ được hạch toán vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các tài sản, nợ phải trả được mua được trình bày trong cùng nhóm với các tài sản, nợ phải trả tương tự của Tập đoàn.

Lơ Pang là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5901147416 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 19 tháng 6 năm 2020 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại là chăn nuôi và trồng cây ăn trái.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	7.219.381	5.616.001
Tiền gửi ngân hàng	65.153.144	72.682.036
TỔNG CỘNG	72.372.525	78.298.037

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	796.201.993	336.603.792
Phải thu về thanh lý khoản đầu tư	92.434.018	176.271.018
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	92.434.018	176.271.018
Phải thu từ dịch vụ xây dựng	-	36.967.957
Phải thu khác	17.768.126	3.947.408
TỔNG CỘNG	906.404.137	553.790.175
Dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi	(13.368.976)	(66.752.042)
GIÁ TRỊ THUẦN	893.035.161	487.038.133
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan (TM số 33)</i>	480.984.431	140.075.031
<i>Phải thu các bên thứ ba</i>	425.419.706	413.715.144

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	66.752.042	47.861.216
<i>Cộng:</i> Dự phòng trích lập trong năm	1.898.642	42.126.541
<i>Trừ:</i> Hoàn nhập dự phòng trong năm	(55.281.708)	(6.867.281)
<i>Trừ:</i> Giảm do thanh lý công ty con	-	(16.368.434)
Số cuối năm	13.368.976	66.752.042

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	746.030.453	129.190.217
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	482.478.677	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	130.642.069	-
- Công ty TNHH Sản xuất Bột Mì	79.635.508	62.098.512
- Công ty TNHH T.B.Y.B Angkor Banana	19.609.076	19.609.076
- Các nhà cung cấp khác	33.665.123	47.482.629
Trả trước cho nhà thầu xây dựng và mua máy móc thiết bị	20.120.906	17.900.256
TỔNG CỘNG	766.151.359	147.090.473
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(9.923.885)	(9.804.538)
GIÁ TRỊ THUẦN	756.227.474	137.285.935
<i>Trong đó:</i>		
Trả trước các bên liên quan (TM số 33)	620.489.246	12.573.227
Trả trước các bên thứ ba	145.662.113	134.517.246

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	9.804.538	24.753.411
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	284.297	9.804.538
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(164.950)	(23.253.451)
Trừ: Giảm do thanh lý công ty con	-	(1.499.960)
Số cuối năm	9.923.885	9.804.538

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 33) (i)	3.950.810.312	6.397.342.577
Cho vay ngắn hạn các bên khác (ii)	66.414.366	118.915.603
	<u>4.017.224.678</u>	<u>6.516.258.180</u>
Dài hạn		
Cho vay dài hạn bên liên quan (TM số 33) (i)	1.716.613.450	2.363.749.852
Cho vay dài hạn các bên khác	28.807.480	89.088.574
	<u>1.745.420.930</u>	<u>2.452.838.426</u>
TỔNG CỘNG	5.762.645.608	8.969.096.606
Dự phòng phải thu về cho vay khó đòi	<u>(26.017.448)</u>	<u>(1.392.199.669)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	5.736.628.160	7.576.896.937

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu về cho vay khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.392.199.669	2.305.282.094
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	18.131.990	132.005.492
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(1.384.314.211)</u>	<u>(1.045.087.917)</u>
Số cuối năm	<u>26.017.448</u>	<u>1.392.199.669</u>
Trong đó:		
Dài hạn	17.526.263	100.526.685
Ngắn hạn	8.491.185	1.291.672.984

- (i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan, có thời hạn hoàn trả từ năm 2023 đến năm 2025 và hưởng lãi suất từ 4,80%/năm đến 10,00%/năm.
- (ii) Đây là khoản cho vay tín chấp các bên khác với thời hạn hoàn trả từ năm 2023 đến năm 2027 và hưởng lãi suất từ 9,00%/năm đến 14,00%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Cho các công ty mượn	731.485.958	489.961.800
Phải thu lãi cho vay	398.751.950	256.354.007
Tạm ứng cho nhân viên	20.981.914	34.676.282
Phải thu ngắn hạn khác	4.775.178	4.580.609
	<u>1.155.995.000</u>	<u>785.572.698</u>
Dài hạn		
Phải thu Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh ("HĐHTKD") (*)	545.158.016	440.000.000
Trong đó:		
- Công ty Cổ phần Lê Me ("Lê Me") (*)	440.000.000	440.000.000
- Công ty TNHH MTV PTNN Hoàn Thịnh Attapeu ("Hoàn Thịnh") (**)	105.158.016	-
Phải thu lãi cho vay	149.468.394	206.136.867
Phải thu dài hạn khác	7.611.164	3.408.754
	<u>702.237.574</u>	<u>649.545.621</u>
TỔNG CỘNG	1.858.232.574	1.435.118.319
Dự phòng phải thu khác khó đòi	(48.629.583)	(141.973.642)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.809.602.991	1.293.144.677
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 33)	732.872.600	480.605.940
Phải thu dài hạn các bên liên quan (TM số 33)	579.450.774	639.457.496
Phải thu các bên thứ ba	545.909.200	315.054.883

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu khác khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	141.973.642	148.514.610
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	1.735.820	119.320.172
Trừ: Xoá sổ trong năm	-	(6.639.117)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(95.079.879)	(119.222.023)
Số cuối năm	<u>48.629.583</u>	<u>141.973.642</u>
Trong đó:		
Ngắn hạn	48.629.583	98.829.269
Dài hạn	-	43.144.373

(*) Khoản này thể hiện phần vốn góp kinh doanh cho Lê Me theo HĐHTKD ký ngày 8 tháng 9 năm 2020 về việc hợp tác đầu tư vào dự án trồng cây ăn quả của Lê Me trong bốn (4) năm. HĐHTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được phân chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án, bắt đầu từ khi dự án phát sinh doanh thu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, dự án trên vẫn đang trong quá trình xây dựng cơ bản và chưa phát sinh doanh thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(**) Khoản này thể hiện phần vốn góp kinh doanh cho Hoàn Thịnh theo HĐHTKD ký ngày 1 tháng 11 năm 2022 về việc hợp tác đầu tư vào dự án trồng cây ăn quả của Hoàn Thịnh trong năm (5) năm. HĐHTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được phân chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án, bắt đầu từ khi dự án phát sinh doanh thu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, dự án trên vẫn đang trong quá trình xây dựng cơ bản và chưa phát sinh doanh thu.

10. HÀNG TỒN KHO

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	994.930.021	260.560.576
<i>Trong đó:</i>		
- Chăn nuôi	876.904.395	201.590.330
- Hoạt động sản xuất, trồng trọt (i)	114.595.379	54.006.258
- Hợp đồng xây dựng	3.430.247	4.963.988
Nguyên vật liệu	83.992.908	90.109.454
Hàng hóa	53.467.217	55.327.304
Thành phẩm	15.894.595	4.481.660
Công cụ, dụng cụ	2.094.443	3.255.975
TỔNG CỘNG	1.150.379.184	413.734.969
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.341.575)	(3.703.405)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.148.037.609	410.031.564

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	3.703.405	75.146.986
<i>Cộng:</i> Dự phòng trích lập trong năm	-	3.703.405
<i>Trừ:</i> Giảm do thanh lý công ty con	-	(75.146.986)
<i>Trừ:</i> Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.021.896)	-
<i>Trừ:</i> Xóa sổ dự phòng trong năm	(339.934)	-
Số cuối năm	2.341.575	3.703.405

(i) Một phần chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (hoạt động sản xuất, trồng trọt) được dùng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (TM số 23).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Cây trồng lâu năm và vật nuôi	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	1.727.150.502	282.036.776	283.628.860	4.701.322	1.187.706.552	33.099.451	3.518.323.463
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	602.022.252	5.900.481	32.070.796	-	702.470.299	-	1.342.463.828
Mua mới trong năm	4.804.841	44.909.687	14.928.045	120.770	16.221.089	1.085.122	82.069.554
Mua công ty con	13.434.292	37.270.751	38.383.688	88.421	55.263.658	-	144.440.810
Chênh lệch tỷ giá	(168.096.691)	(1.178.865)	(37.501.973)	-	(181.031.791)	-	(387.809.320)
Thanh lý	(3.997.167)	(5.605.724)	(7.569.413)	-	(57.371.141)	-	(74.543.445)
Số cuối năm	2.175.318.029	363.333.106	323.940.003	4.910.513	1.723.258.666	34.184.573	4.624.944.890
<i>Trong đó:</i>							
Đã khấu hao hết	9.407.565	30.357.139	25.315.816	3.112.292	26.517.011	18.566.116	113.275.939
Giá trị khấu hao lũy kế							
Số đầu năm	(357.237.018)	(147.888.366)	(111.303.218)	(3.737.175)	(181.357.416)	(30.021.662)	(831.544.855)
Khấu hao trong năm	(96.145.481)	(25.786.792)	(24.244.713)	(302.660)	(182.859.606)	(1.473.130)	(330.812.382)
Mua công ty con	(663.586)	(1.677.021)	(5.330.611)	(27.072)	(1.714.712)	-	(9.413.002)
Chênh lệch tỷ giá	44.227.344	517.603	10.771.174	-	16.548.716	-	72.064.837
Thanh lý	593.757	2.483.625	6.779.451	-	24.370.810	-	34.227.643
Số cuối năm	(409.224.984)	(172.350.951)	(123.327.917)	(4.066.907)	(325.012.208)	(31.494.792)	(1.065.477.759)
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	1.369.913.484	134.148.410	172.325.642	964.147	1.006.349.136	3.077.789	2.686.778.608
Số cuối năm	1.766.093.045	190.982.155	200.612.086	843.606	1.398.246.458	2.689.781	3.559.467.131
<i>Trong đó:</i>							
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 23 và 34)	977.946.830	190.982.155	200.612.086	111.893	849.446.936	2.623.894	2.221.723.794

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Ngàn VND Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm	129.022.337	16.517.789	145.540.126
Mua công ty con	143.795.537	-	143.795.537
Mua mới trong năm	<u>734.580</u>	<u>1.356.176</u>	<u>2.090.756</u>
Số cuối năm	<u>273.552.454</u>	<u>17.873.965</u>	<u>291.426.419</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	4.972.323	4.972.323
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(6.153.251)	(16.495.914)	(22.649.165)
Hao mòn trong năm	(4.097.798)	(28.185)	(4.125.983)
Mua công ty con	<u>(2.967.918)</u>	-	<u>(2.967.918)</u>
Số cuối năm	<u>(13.218.967)</u>	<u>(16.524.099)</u>	<u>(29.743.066)</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	<u>122.869.086</u>	<u>21.875</u>	<u>122.890.961</u>
Số cuối năm	<u>260.333.487</u>	<u>1.349.866</u>	<u>261.683.353</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 23 và 34)</i>	125.444.952	21.875	125.466.827

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Ngàn VND</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm và số cuối năm	27.072.022	47.003.809	74.075.831
Giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(4.436.365)	(7.033.172)	(11.469.537)
Khấu hao và hao mòn trong năm	(739.394)	(1.891.458)	(2.630.852)
Số cuối năm	(5.175.759)	(8.924.630)	(14.100.389)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	22.635.657	39.970.637	62.606.294
Số cuối năm	21.896.263	38.079.179	59.975.442
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 23)</i>	23.005.354	40.916.366	63.921.720

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	2.118.356	1.339.779
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	2.630.852	2.630.852

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2022. Tuy nhiên, dựa trên giá trị thị trường của các tài sản, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả (*)	3.469.201.648	2.365.989.272
Dự án chăn nuôi	1.079.666.555	938.358.956
Nhà xưởng và nhà máy nông trường (*)	12.454.883	99.599.782
Khác	58.978.162	91.201.065
TỔNG CỘNG	4.620.301.248	3.495.149.075

(*) Các khoản này đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (TM số 23).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Tập đoàn đã vốn hóa các chi phí lãi vay với tổng giá trị là 41.776.063 ngàn VND vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021: 16.164.187 ngàn VND). Các khoản chi phí lãi vay này phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để tài trợ vốn cho việc xây dựng và phát triển các vườn cây ăn quả và các dự án khác.

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Ngàn VND	
Đầu tư vào các công ty liên kết (TM số 16.1)	-	-
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (TM số 16.2)	1.049.961.081	1.781.156.721
TỔNG CỘNG	1.049.961.081	1.781.156.721
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(608.271.485)	(2.330.041)
GIÁ TRỊ THUẦN	441.689.596	1.778.826.680

16.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 12 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)	Giá trị đầu tư (Ngàn VND)	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)	Giá trị đầu tư (Ngàn VND)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông (*)	Tư vấn và thiết kế	25,00	-	25,00	-

Theo tỷ lệ sở hữu của công ty con trong Tập đoàn trực tiếp đầu tư vào các công ty này.

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn có khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông với giá gốc đầu tư là 5.000.000 ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 12 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND
Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (HNG) (*) (i)	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	9,44	1.041.431.040	16,07	1.772.626.680
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên	Truyền thông	2,00	6.200.000	2,00	6.200.000
Công ty Cổ phần Bóng đá chuyên nghiệp Việt nam	Bóng đá	-	1.170.000	-	1.170.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng không Viễn Đông	Thương mại và vận tải	-	1.160.041	-	1.160.041
TỔNG CỘNG			1.049.961.081		1.781.156.721
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn			(608.271.485)		(2.330.041)
GIÁ TRỊ THUẬN			441.689.596		1.778.826.680

(*) Một phần cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Tập đoàn đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (TM số 23).

(i) Vào ngày 1 tháng 3 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 73.518.700 cổ phần HNG cho các nhà đầu tư khác. Với tổng giá trị chuyển nhượng là 791.244.823 ngàn VND và ghi nhận khoản lãi từ việc thanh lý là 60.049.183 ngàn VND (TM số 27.2). Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG giảm từ 16,07% xuống còn 9,44%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngàn VND</i>		
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	7.841.439	3.570.321
Chi phí phát triển vườn cây ăn trái	4.582.698	239.078
Chi phí khác	4.850.840	3.315.242
	<u>17.274.977</u>	<u>7.124.641</u>
Dài hạn		
Dự án chăn nuôi	193.635.580	110.024.320
Chi phí khai hoang	112.645.680	124.639.291
Tiền thuê đất	31.559.049	10.473.443
Công cụ, dụng cụ	28.107.249	22.449.231
Chi phí khác	4.161.410	4.313.876
	<u>370.108.968</u>	<u>271.900.161</u>
TỔNG CỘNG	<u>387.383.945</u>	<u>279.024.802</u>

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngàn VND</i>		
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	525.462.721	317.277.378
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Phát triển Do Holdings	217.889.882	59.671.882
- Các nhà cung cấp khác	307.572.839	257.605.496
Phải trả nhà thầu xây dựng	5.791.244	8.728.257
Phải trả người bán máy móc và thiết bị	3.436.935	33.473.380
Phải trả người bán khác	428.992	-
TỔNG CỘNG	<u>535.119.892</u>	<u>359.479.015</u>
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả các bên thứ ba	488.034.594	220.748.397
Phải trả các bên liên quan (TM số 33)	47.085.298	138.730.618

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngàn VND</i>		
Người mua trả tiền trước từ các bên thứ ba	405.022.324	215.077.428
- Công ty TNHH Vinacapital Phước Điền	162.680.988	-
- Công ty Cổ Phần Thực phẩm Dinh dưỡng Nutifood Bình Dương	-	162.680.988
- Công ty Cổ phần Giấy Đức Phú	92.686.888	-
- Các khách hàng khác	149.654.448	52.396.440
Người mua trả tiền trước từ các bên liên quan (TM số 33)	224.581.668	313.861.430
TỔNG CỘNG	<u>629.603.992</u>	<u>528.938.858</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	17.611.524	69.683.587	(54.922.759)	32.372.352
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 32.1)	7.539	-	-	7.539
Thuế khác	3.127.579	114.889	(108.102)	3.134.366
TỔNG CỘNG	20.746.642	69.798.476	(55.030.861)	35.514.257
Phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	3.365.161	17.902.239	(16.745.849)	4.521.551
Thuế giá trị gia tăng	3.102.325	59.758.250	(59.808.910)	3.051.665
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 32.1)	631.518	3.649.540	(3.332.591)	948.467
Thuế khác	56.317	4.205.029	(3.993.208)	268.138
TỔNG CỘNG	7.155.321	85.515.058	(83.880.558)	8.789.821

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	3.821.476.663	3.065.930.895
Chi phí hoạt động	10.244.760	1.534.315
Chi phí khác	26.176.665	21.240.719
	<u>3.857.898.088</u>	<u>3.088.705.929</u>
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	490.236.779	653.649.038
TỔNG CỘNG	4.348.134.867	3.742.354.967

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải trả tiền mượn từ các công ty và cá nhân (i)	67.033.009	111.183.498
Phải trả các cá nhân khác	1.365.203	1.276.235
Khác	37.652.003	49.141.491
	<u>106.050.215</u>	<u>161.601.224</u>
Dài hạn		
Phải trả tiền mượn từ các công ty và cá nhân (i)	308.838.184	65.398.026
TỔNG CỘNG	<u>414.888.399</u>	<u>226.999.250</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả dài hạn các bên liên quan (TM số 33)</i>	207.699.762	-
<i>Phải trả các bên thứ ba</i>	195.987.313	208.884.310
<i>Phải trả ngắn hạn các bên liên quan (TM số 33)</i>	11.201.324	18.114.940
(i) Khoản này thể hiện các khoản vay không lãi suất và không yêu cầu tài sản đảm bảo từ các cá nhân, các công ty khác và các bên liên quan của Tập đoàn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn.		

23. VAY

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả trong vòng 1 năm (TM số 23.2)	2.058.184.544	1.293.017.564
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 23.1)	1.002.710.388	511.870.419
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả trong vòng 1 năm (TM số 23.3)	901.090.257	704.681.572
Vay ngắn hạn từ công ty (TM số 23.4)	38.500.000	-
	<u>4.000.485.189</u>	<u>2.509.569.555</u>
Dài hạn		
Vay dài hạn trái phiếu (TM số 23.2)	3.681.058.998	5.142.773.631
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 23.3)	293.409.297	497.175.885
Vay dài hạn từ công ty và cá nhân (TM số 23.5)	190.665.939	136.895.549
	<u>4.165.134.234</u>	<u>5.776.845.065</u>
TỔNG CỘNG	<u>8.165.619.423</u>	<u>8.286.414.620</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

Tình hình tăng/(giảm) các khoản vay như sau:

			Ngàn VND
	<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>Vay dài hạn</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số đầu năm	2.509.569.555	5.776.845.065	8.286.414.620
Tiền thu từ đi vay	1.564.641.405	237.800.000	1.802.441.405
Mua công ty con	194.157.500	92.971.250	287.128.750
Chênh lệch tỷ giá	27.916.641	(3.004.214)	24.912.427
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	1.958.082	6.494.264	8.452.346
Vay dài hạn đến hạn trả	1.680.797.668	(1.680.797.668)	-
Cần trừ với các khoản phải thu	(3.000.000)	(122.211.463)	(125.211.463)
Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.975.555.662)	(142.963.000)	(2.118.518.662)
Số cuối năm	<u>4.000.485.189</u>	<u>4.165.134.234</u>	<u>8.165.619.423</u>

23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

	Ngàn VND	
<i>Tên ngân hàng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank"), Chi nhánh Gia Lai	690.999.004	499.998.646
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	282.000.000	-
Sacombank Lào, Chi nhánh Champasak	24.740.782	9.914.824
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV"), Chi nhánh Gia Lai	4.970.602	1.956.949
TỔNG CỘNG	<u>1.002.710.388</u>	<u>511.870.419</u>

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

<i>Tên ngân hàng</i>	<i>Số tiền (Ngàn VND)</i>	<i>Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Tài sản thế chấp (TM số 11, 12 và 14)</i>
Sacombank, Chi nhánh Gia Lai				
Khoản vay từ ngày 12 tháng 7 năm 2022 đến ngày 30 tháng 12 năm 2022	499.999.004	Từ ngày 12 tháng 1 năm 2023 đến 30 tháng 6 năm 2023	8,60 - 13,50	90.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức.
Khoản vay ngày 3 tháng 10 năm 2022 đến ngày 20 tháng 10 năm 2022	191.000.000	Từ 3 tháng 7 năm 2023 đến 20 tháng 7 năm 2023	9,50	23.751.983 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức; Quyền sử dụng đất ("QSDĐ") và khai thác 10,29 ha (2 bìa) tại Xã IA Tiêm, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang ("Lơ Pang"); QSDĐ và khai thác 2,58 ha (1 bìa) tại Xã IA Băng, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Lơ Pang; QSDĐ và khai thác 2,1 ha (4 bìa) tại Xã IA Grai, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Lơ Pang; QSDĐ và khai thác 16,5 ha (6 bìa) tại Làng Ngol, Xã La Băng, Huyện Dakdo, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Lơ Pang; QSDĐ và khai thác 14,4 ha (3 bìa) tại Làng Klah, Xã Yang Bắc, Huyện DakPơ, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Lơ Pang; QSDĐ và khai thác 1,26 ha (2 bìa) ở Thôn Breng, Xã Ia Péch, Huyện Dakdo, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Lơ Pang; QSDĐ và khai thác 4,59 ha (3 bìa) ở Thôn Kênh Siêu, Xã Chư Prông, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của ông Dương Trần Hùng.
TỔNG CỘNG	690.999.004			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 11, 12 và 14)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong				
Khoản vay từ ngày 14 tháng 10 năm 2022 đến ngày 8 tháng 11 năm 2022	<u>282.000.000</u>	Từ 28 tháng 4 năm 2023 đến 1 tháng 7 năm 2023	10,60 - 11,50	Bảo lãnh của ông Đoàn Nguyên Đức; Tài sản gắn liền với đất tại Tỉnh Attapeu, Lào theo QSDĐ số 483/STNMT và số 0097/TNMT.
Sacombank Lào, Chi nhánh Champasak				
Khoản vay từ ngày 13 tháng 12 năm 2022 đến 20 tháng 12 năm 2022	<u>24.740.782</u>	Từ ngày 13 tháng 12 năm 2023 đến 20 tháng 12 năm 2023	LAK: 10,00 USD: 8,00	QSDĐ diện tích: 6,83 ha, Thửa số 01, Tờ bản đồ số: A 738-638 địa chỉ tại: Bản Hạt san, Huyện Saysetha, Tỉnh Attapeu, Lào, đất xây dựng xây trụ sở văn phòng và kho hàng hóa.
BIDV, Chi nhánh Gia Lai				
Khoản vay từ ngày 4 tháng 11 năm 2022 đến ngày 15 tháng 11 năm 2022	<u>4.970.602</u>	Từ ngày 4 tháng 4 năm 2023 đến 17 tháng 4 năm 2023	9,90 - 10,20	Máy móc thiết bị, một phần các phương tiện vận tải, và các công trình khác Bệnh viện HAGL.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.2 Trái phiếu thường

Chi tiết trái phiếu thường như sau:

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngàn VND</i>	
		<i>Số đầu năm</i>	
BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	5.271.000.000	5.876.000.000	
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	300.000.000	300.000.000	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank") (i)	200.000.000	300.000.000	
Chi phí phát hành trái phiếu	(31.756.458)	(40.208.805)	
TỔNG CỘNG	5.739.243.542	6.435.791.195	
<i>Trong đó:</i>			
<i>Trái phiếu dài hạn</i>	<i>3.681.058.998</i>	<i>5.142.773.631</i>	
<i>Trái phiếu dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm</i>	<i>2.058.184.544</i>	<i>1.293.017.564</i>	

- (i) Trong năm, Công ty có khoản thanh toán gốc và lãi trái phiếu tới hạn trả vào ngày 28 tháng 10 năm 2022 với tổng số tiền là 114.365.068 ngàn VND. Vào ngày 7 tháng 11 năm 2022, Công ty đã thực hiện thanh toán phần gốc và lãi trái phiếu nêu trên cùng với việc thanh toán chi phí phạt chậm nộp là 452.962 ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.2 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền (Ngàn VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn cuối cùng	Mục đích	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, 13, 14 và 16)
BIDV và BSC	BIDV (*)	5.271.000.000	Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng VND được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) Ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 3,00 (2022: 7,525 - 10,40)	Ngày 30 tháng 12 năm 2026	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	Diện tích 4.852,74 ha cao su và Quyền thuê phát sinh theo Hợp đồng thuê đất, toàn bộ tài sản là động sản, bất động sản gắn liền với đất tại Tỉnh Attapeu và Tỉnh Sê Kong (Lào) do Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh làm chủ sở hữu; Diện tích 9.996,9 ha cao su và Quyền thuê phát sinh theo Hợp đồng thuê đất, toàn bộ tài sản là động sản, bất động sản gắn liền với đất do Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu làm chủ sở hữu; Quyền sở hữu, khai thác rừng trồng 4.733,01 ha cao su và 3.155,79 ha cọ dầu tại tỉnh Attapeu (Lào) của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; 44.926.000 cổ phiếu HAG do ông Đoàn Nguyên Đức sở hữu; Quyền sở hữu, khai thác rừng trồng 1.960,91 ha cao su tại tỉnh Ratanakiri (Campuchia) của Công ty TNHH MTV Heng Brothers; Quyền sở hữu, khai thác rừng trồng 3.281,70 ha cao su tại tỉnh Ratanakiri (Campuchia) của Công ty TNHH MTV CRD; Công trình Bệnh viện Đại học Y dược HAGL thuộc sở hữu của Bệnh viện HAGL; Trụ sở văn phòng làm việc Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; Khu liên hợp Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; 16,5 ha chuối trên đất thuộc Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Công ty; 2 tầng khu thương mại thuộc Tổ hợp khu chung cư - Thương mại cao cấp Bà Thạc Gián, Đà Nẵng thuộc sở hữu của Công ty; 13.310.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty; 7 xe ô tô thuộc sở hữu của Công ty; Trụ sở làm việc và nhà xưởng sản xuất, chế biến gỗ và hàng mộc dân dụng (tại phường Chi Lăng, Gia Lai) thuộc Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai; Nhà máy gỗ nội thất (tại Chư Prong, Gia Lai) thuộc Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai; Máy móc thiết bị thuộc Bệnh viện Đại học Y dược HAGL; 335 ha chuối tại Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Khăn Xay 2.789,72 ha tại Stung Cheng, Campuchia thuộc Công ty TNHH Sản xuất Bột Mì; Máy móc thiết bị thuộc Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai; 141,60 ha tại Stung Cheng, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Sản xuất Bột Mì.

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích trồng cao su và cọ dầu thực tế đang thấp hơn phần diện tích đề cập trong phần Mục đích giải ngân của Hợp đồng Tín dụng. Diện tích cam kết lần lượt là 4.852,74 ha cao su và 7.102 ha cọ dầu. Cũng tại ngày này, Công ty cũng chưa tiến hành thanh toán lãi vay phải trả đã đến hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với tổng giá trị là 2.354.437.595 ngàn VND. Công ty đã có kế hoạch thanh toán khoản lãi vay đã đến hạn nói trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.2 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền (Ngàn VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn cuối cùng	Mục đích	Tài sản thế chấp (TM số 9, 11, 12 và 14)
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	Công ty cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	300.000.000	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn mười ba (13) tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong cộng với biên độ 4,50 (2022: 10,00)	Ngày 30 tháng 9 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	47.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức.
TPBank	TP Bank	200.000.000	Lãi suất áp dụng cho 6 tháng đầu tiên kể từ Ngày phát hành là 10%/năm. Lãi suất điều chỉnh bằng tổng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân cao nhất kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Tiên Phong cộng với biên độ 3,5%/năm (2022: 10,40)	Ngày 28 tháng 10 năm 2024	Thực hiện các chương trình, dự án, đầu tư của tập đoàn	55.500.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức; Tài sản gắn liền với đất nằm trên thửa đất Số BY 440741 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai; 9.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Bà Đoàn Hoàng Anh.
Chi phí phát hành trái phiếu		(31.756.458)				
TỔNG CỘNG		5.739.243.542				
Trong đó:						
Trái phiếu dài hạn		3.681.058.998				
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm		2.058.184.544				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Ngàn VND
		Số đầu năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương ("Eximbank")	587.790.248	637.790.252
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Ngân hàng Lào - Việt") - Chi nhánh Attapeu	297.362.966	268.686.489
Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank")	198.000.000	192.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")	111.346.340	103.380.716
TỔNG CỘNG	1.194.499.554	1.201.857.457
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả trong vòng 1 năm	901.090.257	704.681.572
Vay dài hạn	293.409.297	497.175.885

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để đáp ứng nhu cầu vốn tài trợ cho các dự án vườn cây ăn quả của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12 và 14)
<i>Eximbank</i>				
Khoản vay ngày 15 tháng 8 năm 2014 (*)	413.840.467	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024	12,40	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên tổng diện tích 957 ha (7 bìa đồ) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai; Phương tiện vận tải, máy móc thiết bị và tài sản khác hình thành từ vốn vay.
Khoản vay ngày 23 tháng 9 năm 2014 (*)	173.949.781	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024	12,40	
TỔNG CỘNG	587.790.248			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm</i>	429.490.248			
<i>Vay dài hạn</i>	158.300.000			

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn chưa thanh toán khoản vay đến hạn với tổng giá trị là 279 tỷ VND theo lịch thanh toán đã cam kết với ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

<i>Tên ngân hàng</i>	<i>Số tiền (Ngàn VND)</i>	<i>Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12 và 14)</i>
<i>Ngân hàng Lào - Việt, Chi nhánh Attapeu</i>				
Khoản vay	<u>297.362.966</u>	Từ 5 tháng 5 năm 2023 đến 15 tháng 9 năm 2023	8,50	2 lô đất tại Bản Honglay, Huyện Lamam, Tỉnh Sekong, Lào thuộc sở hữu của Ông Channousit; Trụ sở làm việc của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng tại Bản NongYoi, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào; Quyền sở hữu khai thác diện tích 939 ha vườn cây ăn quả thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng.

Trong đó:

*Vay dài hạn
đến hạn trả trong
vòng 1 năm*

297.362.966

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12 và 14)
<i>TPBank - Chi nhánh Hà Nội</i>				
Khoản vay	102.000.000	Từ ngày 14 tháng 6 năm 2023 đến ngày 14 tháng 12 năm 2023	11,70	Quyền khai thác đất và tài sản gắn liền trên đất tại Bản Hatsan, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào trong tổng diện tích 128 ha của Khăn Xay; Quyền khai thác đất và tài sản gắn liền trên đất tại Tỉnh Attapeu, Lào trong tổng diện tích 146,35 ha của Khăn Xay; Bảo lãnh vô điều kiện không hủy ngang đảm bảo cho các nghĩa vụ nợ của Công ty tại TPBank của Chủ tịch.
Khoản vay	96.000.000	Từ ngày 21 tháng 10 năm 2023 đến ngày 21 tháng 10 năm 2024	Lãi suất điều chỉnh ba (3) tháng một lần và bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm mười hai (12) tháng của TPBank cộng với biên độ 4,50 (2022: 9,65 - 10,00)	Tài sản gắn liền với đất nằm trên thửa đất có các Giấy Chứng nhận số BY 440736, BY 440744, BY 440735 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai.
TỔNG CỘNG	198.000.000			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn</i>	<i>48.000.000</i>			
<i>Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm</i>	<i>150.000.000</i>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12 và 14)
Sacombank Lào, Chi nhánh Champasak	103.585.715	Từ ngày 25 tháng 6 năm 2023 đến ngày 7 tháng 6 năm 2026	LAK: 10,50 USD: 9,05	Quyền sử dụng đất số 01 A-660-668 (bìa đồ đất 118,2 ha và bìa đồ đất 3,5 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất số 02 A-658-670 (bìa đồ đất 6,7 ha và bìa đồ đất 50,3 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất số 03 A-658-670 (bìa đồ đất 60,0 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất số 04 A-658-670 (bìa đồ đất 3,9 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất số 05 A-658-670 (bìa đồ đất 2,4 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Tất cả các quyền sử dụng đất nêu trên đều thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng.
Sacombank, Chi nhánh Gia Lai	7.760.625	Ngày 29 tháng 3 năm 2025	10,80 - 12,60	Phương tiện vận tải, máy móc hình thành từ vốn vay.
Tổng cộng	111.346.340			
Trong đó:				
Vay dài hạn	87.109.297			
Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	24.237.043			

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.4 Vay ngắn hạn từ công ty

Đây là các khoản vay ngắn hạn từ các công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn với chi tiết như sau:

Tên đối tượng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
Công ty TNHH TMDV M.I.S.C Bình Dương	26.000.000	Ngày 24 tháng 6 năm 2023	5,00	Tín chấp
Công ty TNHH TM Dược Phẩm Đông Á	12.500.000	Ngày 15 tháng 1 năm 2023	10,00	Tín chấp
TỔNG CỘNG	38.500.000			

23.5 Vay dài hạn từ công ty và cá nhân

Đây là các khoản vay dài hạn từ các công ty và cá nhân nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn với chi tiết như sau:

Tên đối tượng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
Công ty TNHH TMDV M.I.S.C Bình Dương	95.000.000	Từ ngày 12 tháng 7 năm 2024 đến ngày 29 tháng 8 năm 2024	5,00	Tín chấp
Ông Lê Hiền Trung	66.106.595	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	8,50	Tín chấp
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp KhamKauong	29.559.344	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	10,00	Tín chấp
TỔNG CỘNG	190.665.939			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Ngàn VND						
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
Năm trước							
Số đầu năm	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	(1.440.136.262)	282.410.699	(6.301.662.837)	5.078.463.214
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	203.030.161	203.030.161
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(415.520.163)	-	-	(415.520.163)
Chi thù lao HĐQT, BKS và Thư ký	-	-	-	-	-	(1.485.000)	(1.485.000)
Sử dụng thặng dư vốn để cân trừ lỗi lũy kế	-	(3.263.858.784)	-	-	-	3.263.858.784	-
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(617.676.247)	(617.676.247)
Thanh lý công ty con	-	-	-	1.253.037.089	-	(1.013.165.414)	239.871.675
Số cuối năm	<u>9.274.679.470</u>	<u>-</u>	<u>(686.640)</u>	<u>(602.619.336)</u>	<u>282.410.699</u>	<u>(4.467.100.553)</u>	<u>4.486.683.640</u>
Năm nay							
Số đầu năm	9.274.679.470	-	(686.640)	(602.619.336)	282.410.699	(4.467.100.553)	4.486.683.640
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	1.128.745.396	1.128.745.396
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(618.447.106)	-	-	(618.447.106)
Chi thù lao HĐQT, BKS và Thư ký	-	-	-	-	-	(2.652.000)	(2.652.000)
Số cuối năm	<u>9.274.679.470</u>	<u>-</u>	<u>(686.640)</u>	<u>(1.221.066.442)</u>	<u>282.410.699</u>	<u>(3.341.007.157)</u>	<u>4.994.329.930</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	927.467.947	927.467.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.467.947 927.467.947	927.467.947 927.467.947
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.399.283 927.399.283	927.399.283 927.399.283
Số lượng cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.664 68.664	68.664 68.664

25. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	186.549.700	4.949.332.245
Nhận vốn góp từ cổ đông không kiểm soát	22.594.000	55.000
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát của các công ty con	-	514.446.908
Thanh lý công ty con	-	(5.201.860.403)
Mua các công ty con	(4.659.733)	-
Lỗi trong năm phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	(4.070.556)	(75.424.050)
Số cuối năm	<u>200.413.411</u>	<u>186.549.700</u>

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (Ngàn VND)	1.128.745.396	203.030.161
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	927.399.283	927.399.283
Lãi trên cổ phiếu (VND)		
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.217	219
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.217	219

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. DOANH THU

27.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
		Ngàn VND
Doanh thu gộp	5.197.982.826	2.187.415.636
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán trái cây</i>	2.240.989.521	1.092.323.976
<i>Doanh thu bán heo</i>	1.697.175.093	557.570.467
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	924.027.581	317.660.813
<i>Doanh thu từ cung cấp dịch vụ</i>	295.248.124	217.079.648
<i>Doanh thu khác</i>	40.542.507	2.780.732
Khoản giảm trừ	(87.200.939)	(89.997.270)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	(87.200.939)	(89.997.270)
Doanh thu thuần	5.110.781.887	2.097.418.366
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán trái cây</i>	2.155.744.031	1.003.599.185
<i>Doanh thu bán heo</i>	1.697.175.093	557.570.406
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	924.027.581	317.660.818
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	293.292.675	215.807.224
<i>Doanh thu khác</i>	40.542.507	2.780.733
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần với các bên thứ ba</i>	3.839.128.539	1.461.630.719
<i>Doanh thu thuần với các bên liên quan (TM số 33)</i>	1.271.653.348	635.787.647

27.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
		Ngàn VND
Lãi tiền cho vay	402.606.462	490.847.799
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư (TM số 16.2)	60.049.183	240.752.906
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	22.078.573	1.736.874
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.310.101	1.488.773
Thu nhập cổ tức	59.973	79.956
Khác	39.421	172.304
TỔNG CỘNG	486.143.713	735.078.612
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan (TM số 33)</i>	375.397.894	469.372.866
<i>Doanh thu với các bên thứ ba</i>	110.745.819	265.705.746

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn bán trái cây	1.512.315.477	695.991.763
Giá vốn heo	1.270.281.990	364.662.397
Giá vốn hàng hóa	850.801.577	315.571.923
Giá vốn dịch vụ	265.621.028	211.407.412
Giá vốn khác	38.360.797	2.814.644
TỔNG CỘNG	<u>3.937.380.869</u>	<u>1.590.448.139</u>

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	793.176.972	971.878.185
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	605.941.444	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	245.332.965	105.764.243
Chi phí lãi HĐHTKD	-	1.759.669
Khác	4.695.865	10.890.941
TỔNG CỘNG	<u>1.649.147.246</u>	<u>1.090.293.038</u>

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	198.224.977	120.959.970
Chi phí lương nhân viên	11.651.748	3.475.749
Chi phí khấu hao và hao mòn	6.192.236	481.499
Chi phí khác	35.869.848	4.369.948
	<u>251.938.809</u>	<u>129.287.166</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí lương nhân viên	86.586.923	76.497.818
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.053.198	27.087.248
Chi phí khấu hao	9.385.574	8.505.956
Phân bổ lợi thế thương mại	-	601.696.297
Hoàn nhập dự phòng	(1.512.789.999)	(891.173.929)
Chi phí khác	32.869.790	3.107.381
	<u>(1.349.894.514)</u>	<u>(174.279.229)</u>
TỔNG CỘNG	<u>(1.097.955.705)</u>	<u>(44.992.063)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác		
Lãi thanh lý tài sản	-	35.896.990
Thu nhập khác	35.975.907	43.773.982
	<u>35.975.907</u>	<u>79.670.972</u>
Chi phí khác		
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	20.706.325	25.274.918
Chi phí chuyển đổi vườn cây	16.604.992	293.716.472
Các khoản phạt	13.057.786	9.655.180
Lỗ thanh lý tài sản	8.607.960	-
Chi phí xóa sổ TSCĐ	-	14.456.054
Các khoản khác	57.134.206	58.103.085
	<u>116.111.269</u>	<u>401.205.709</u>
LỖ KHÁC	<u>(80.135.362)</u>	<u>(321.534.737)</u>

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con tại Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế (2021: 20%).

Các công ty con của Công ty tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính và 2% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động chuyển nhượng dự án. Các công ty con này cũng được hưởng ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN theo các GCNĐKKD, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.649.540	885.768
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(100.106.552)	(259.098.512)
TỔNG CỘNG	<u>(96.457.012)</u>	<u>(258.212.744)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành (phải thu)/phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế/(lỗ tính thuế) của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

	Năm nay	Ngân VND Năm trước
Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	1.028.217.828	(130.606.633)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lỗ kế toán:</i>		
Các khoản lỗ từ các công ty con	285.346.875	348.765.383
Mức trần chi phí lãi vay (*)	162.704.261	121.964.254
Lỗ chưa thực hiện trên hợp nhất	42.644.760	41.935.443
Chi phí lãi vay nội bộ ở khía cạnh hợp nhất	6.271.689	3.472.151
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	-	601.696.297
Lỗ từ thanh lý các công ty con ở khía cạnh hợp nhất	-	222.169.717
Lỗ từ các công ty liên kết	-	5.819.760
Lợi nhuận từ hoạt động miễn thuế	(491.362.458)	(316.221.485)
Cán trừ lỗ năm trước	(402.108.690)	(574.015.223)
Các khoản khác	(598.533.470)	(317.076.102)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	33.180.795	7.903.562
Thuế TNDN ước tính trong năm hiện hành	3.689.636	1.320.285
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	1.449.117	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(1.489.213)	(434.517)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	3.649.540	885.768
Thuế TNDN phải trả đầu năm	623.979	22.300.049
Thanh lý công ty con	-	(20.356.074)
Thuế TNDN đã trả trong năm	(3.332.591)	(2.205.764)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	940.928	623.979
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả (TM số 20)	948.467	631.518
Thuế TNDN trả trước (TM số 20)	(7.539)	(7.539)

(*) Theo hướng dẫn của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 sửa đổi Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 và Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 do Chính phủ ban hành để xác định thu nhập chịu thuế bao gồm tổng chi phí lãi vay thuần phát sinh trong năm mà vượt 30% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay thuần và chi phí khấu hao trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.2 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động trong năm như sau:

	Ngàn VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	
	<i>hợp nhất</i>		<i>kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	16.468.661	10.966.646	5.502.015	(74.757.626)
	16.468.661	10.966.646	5.502.015	(74.757.626)
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Chênh lệch giá trị hợp lý của tài sản mua trong hợp nhất kinh doanh	416.006.694	510.611.231	(94.604.537)	(72.749.271)
Dự phòng các khoản đầu tư	-	-	-	(141.070.733)
Chi phí lãi vay vốn hóa trên khía cạnh hợp nhất	-	-	-	(120.036.134)
	416.006.694	510.611.231	(94.604.537)	(333.856.138)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			(100.106.552)	(259.098.512)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan (đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty liên quan
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Dược Thú y Nasa	Công ty liên quan
Công ty TNHH MTV Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động Sản An Phú	Công ty liên quan
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan
Công ty TNHH MTV Bờ Y	Công ty liên quan
Ông Trần Quang Dũng	Phó giám đốc công ty con
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con
Ông Nguyễn Kim Luân	Cổ đông
Ông Lê Văn Thạch	Cổ đông
Ông Nguyễn Văn Quý	Cổ đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT
Đoàn Tiến Quyết	Cha
Nguyễn Thị Thơm	Mẹ
Hoàng Trọng Biên	Cha vợ
Lê Thị Ngọc Ân	Mẹ vợ
Hoàng Thị Ngọc Bích	Vợ
Đoàn Hoàng Anh	Con
Đoàn Hoàng Nam	Con
Đoàn Hoàng Nam Anh	Con
Đoàn Nguyên Lộc	Anh
Nguyễn Thị Lành	Chị dâu
Đoàn Thị Nguyên Dung	Em
Trần Hữu Phước	Em rể
Đoàn Nguyên Ngôn	Em
Đào Thị Phương Mai	Em dâu
Đoàn Thị Nguyên Vinh	Em
Lê Văn Kế	Em rể
Đoàn Nguyên Thịnh	Em
Lê Thị Diễm	Em dâu
Đoàn Thị Nguyên Xuân	Em
Thân Quang Vinh	Em rể
Đoàn Nguyên Thu	Em
Nguyễn Thị Huỳnh Lê	Em dâu
Đoàn Thị Nguyên Thảo	Em ruột
Nguyễn Cao Hoàng	Em rể
Đoàn Thị Nguyên Nguyên	Em
Nguyễn Minh Trung	Em rể
Võ Trường Sơn	Thành viên HĐQT, kiêm Tổng giám đốc
Võ Ngọc Dự	Cha
Trần Thị Thắm	Mẹ
Lâm Hoàng Nam	Cha vợ
Đoàn Thị Diệp	Mẹ Vợ
Lâm Hoàng Yến	Vợ
Võ Hoàng Long	Con
Võ Hoàng Yến Nhi	Con
Võ Thanh Lộc	Em
Lê Thanh Thúy	Em dâu
Võ Thị Kim Phượng	Em
Phạm Văn Kém	Em rể
Võ Thị Thắm Thúy Hằng	Em
Nguyễn Văn Hạnh	Em rể
Võ Thị Bé Sáu	Em
Lê Nguyễn Ngọc Sơn	Em rể
Võ Thanh Tùng	Em
Lê Thị Ngọc Hòa	Em dâu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Võ Thị Huyền Lan	Thành viên HĐQT
Võ Văn Giai	Cha
Phạm Thị Tô	Mẹ
Ngô Bình Long	Chồng
Ngô Quý Hà Giang	Con
Ngô Hoàng Khánh Dương	Con
Võ Thị Kiều Phương	Chị ruột
Bùi Văn Ba	Anh rể
Võ Thị Huyền Linh	Chị ruột
Võ Thị Huyền Châu	Em ruột
Võ Thị Huyền Trân	Em ruột
Đình Văn Truyền	Em rể
Công ty Cổ phần Bourbon Bến Lức	Tổ chức liên quan
Công ty Cổ phần thực phẩm Nông sản xuất khẩu Sài Gòn	Tổ chức liên quan
Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
Võ Văn Dũng	Cha
Huỳnh Thị Hồng	Mẹ
Lê Đình Quốc	Cha chồng
Lê Thị Thu	Mẹ chồng
Lê Đại Quang	Chồng
Lê Đại Minh Long	Con
Lê Đại Hoàng Long	Con
Võ Đình Phúc	Em
Phùng Thị Nguyên Trang	Em dâu
Võ Thị Kim Thủy	Em
Lê Hoài Lâm	Em rể
Nguyễn Thị Huyền	Thành viên HĐQT (đến ngày 8 tháng 4 năm 2022)
Nguyễn Nhân	Cha
Nguyễn Thị Hạt	Mẹ
Nguyễn Thị Hạ	Chị
Lê Hải Sâm	Anh rể
Nguyễn Thị Thùy	Chị
Lâm Vinh	Anh rể
Nguyễn Thị Uyên	Chị
Nguyễn Uy	Anh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Trần Văn Dai	Thành viên HĐQT (từ ngày 8 tháng 4 năm 2022)
Nguyễn Thị Lâm	Vợ
Trần Nguyễn Ngọc Minh	Con
Trần Nguyễn Bảo Châu	Con
Trần Gia Vinh	Con
Nguyễn Khắc Sơn	Bố vợ
Đinh Thị Thuật	Mẹ vợ
Nguyễn Việt Anh	Em vợ
Nguyễn Vũ Hải Yến	Em dâu
Trần Thị Gái	Em gái
Phan Tấn Hoàng	Em rể
Trần Văn Ân	Anh trai
Trương Thị Tuyết	Chị dâu
Trần Văn Nghị	Anh trai
Lê Thị Lợi	Chị dâu
Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng giám đốc
Hồ Đắc Tâm	Cha
Phạm Thị Hải	Mẹ
Võ Hồ Lâm	Cha chồng
Võ Thị Thu Sương	Mẹ Chồng
Võ Hồng Nhân	Chồng
Võ Vĩnh Khang	Con
Võ Hồ Khánh Linh	Con
Hồ Đắc Quang	Anh
Nguyễn Thị Yến	Chị dâu
Hồ Thị Liễu	Chị
Võ Văn Hội	Anh rể
Hồ Thị Phước	Chị
Phạm Bảo Quốc	Anh rể
Hồ Thị Tâm Hiền	Chị
Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng BKS
Đỗ Văn Diệp	Cha
Trần Thị Kim Dân	Mẹ
Đinh Đức	Cha chồng
Đào Thị Yên	Mẹ chồng
Đinh Công Tịnh	Chồng
Đinh Đăng Khoa	Con
Đinh Đăng Khôi	Con
Đỗ Trần Thùy Linh	Em
Nguyễn Văn Sơn	Em rể
Đỗ Trần Thùy Diễm	Em
Nguyễn Hương Giang	Em rể

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Lê Hồng Phong	Thành viên BKS
Lê Hồng Thủy	Cha
Đỗ Thị Tuyết Nhung	Mẹ
Bùi Duy Tâm	Cha vợ
Hoàng Thị Na	Mẹ vợ
Bùi Thị Ngọc Anh	Vợ
Lê Hồng Ngọc	Con
Lê Phúc Bình	Con
Lê Hồng Anh	Anh
Phạm Ngọc Châu	Thành viên BKS
Phạm Văn Nét	Cha
Nguyễn Thị Cánh	Mẹ
Nguyễn Duy Phương	Cha vợ
Nguyễn Thị Nở	Mẹ vợ
Nguyễn Thị Thu Lan	Vợ
Phạm Nhật Duy	Con
Phạm Phúc Duy	Con
Phạm Văn Hùng	Anh
Bùi Thị Băng Trinh	Chị dâu
Phạm Thị Như Hoa	Chị
Biện Văn Tuấn	Anh rể
Phạm Phương Thảo	Em
Đặng Thị Phi Yên	Em dâu
Phạm Phương Nam	Em
Nguyễn Thị Duyên	Em dâu
Lê Trương Y Trâm	Kế toán trưởng
Lê Văn Chương	Cha
Trương Thị Nga	Mẹ
Nguyễn Văn Chánh	Cha chồng
Nguyễn Thị Hiếu	Mẹ chồng
Nguyễn Văn Trung	Chồng
Nguyễn Lê Cẩm Hạ	Con
Lê Trương Xuân Vy	Em
Trần Anh Đức	Em rể

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan

Mối quan hệ

Đoàn Thị Mai Phương

**Thư ký Công ty kiêm Người phụ trách
quản trị Công ty**

Đoàn Văn Toán	Cha
Trần Thị Thanh Mai	Mẹ
Nguyễn Thành Kham	Cha chồng
Nguyễn Thị Hạnh	Mẹ chồng
Nguyễn Thành Long	Chồng
Nguyễn Bảo Ngọc	Con
Đoàn Quang Phú	Em

Hồ Thị Mỹ Loan

Thư ký Công ty

Hồ Vĩnh Thành	Cha
Trần thị Hồng	Mẹ
Chu Thế Sử	Cha chồng
Lê Thị Hạnh	Mẹ chồng
Chu Thế Hiển	Chồng
Chu Ngọc Diễm Quỳnh	Con
Chu Minh Tuấn	Con
Hồ Thị Thảo Trang	Chị
Hồ Thị Thảo Ly	Chị
Hồ Thị Thảo Châu	Chị
Hồ Dũng Phong	Em
Hồ Hoàng Vĩnh	Anh
Trần Thị Huệ Oanh	Chị Dâu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong kỳ hiện hành và năm trước bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngân VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan (đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)	Mua hàng hóa và dịch vụ	98.643.537	220.463.403
		Cho vay	20.300.000	1.088.916.833
		Lãi cho vay	11.106.272	59.553.378
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	8.616.449	390.763.153
		Lãi vay	6.577.262	-
		Chi hộ	3.822.075	8.723.833
		Mượn	-	131.000.000
		Mua tài sản	-	19.636.229
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Cho vay	427.365.650	394.394.765
		Lãi cho vay	68.971.137	37.608.961
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	66.039.317	111.187.299
		Lãi vay	30.416.667	-
		Cho mượn	-	419.161.086
		Thu hồi khoản cho mượn	-	415.574.777
		Mua hàng hóa và dịch vụ	-	184.542.253
		Mượn	-	6.954.000
		Chi hộ	-	699.545
Ông Nguyễn Kim Luân	Bên liên quan	Nhận chuyển nhượng cổ phần	226.480.000	-
		Cho vay	205.260.790	401.260.000
		Lãi cho vay	8.257.287	4.180.123
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Nhận chuyển nhượng cổ phần	2.145.600.000	-
		Cho vay	714.582.000	161.506.120
		Lãi cho vay	249.520.992	319.931.365
		Cho mượn	-	25.405.650
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay	1.874.921	7.486.903
		Chi hộ	66.571	76.669
		Cho vay	-	104.042.000
		Chi phí lãi HĐHTKD	-	1.755.556
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế Biến Hoa Quả	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	269.386	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	49.814	4.440.857
		Mua tài sản	-	55.821.045
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.315.913.387	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.190.531.197	53.174.326
		Cho vay	533.039.308	26.000
		Lãi cho vay	4.115.880	-
		Mua tài sản cố định	4.415.600	-
		Chi hộ	468.336	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Nhà Máy nhựa Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	29.264.773	45.412.183
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	13.723.570	5.052.893
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	6.812.291	14.273.336
		Cho vay	2.000.000	25.910.692
		Lãi vay	718.524	1.448.958
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	98.919	78.193
		Mua hàng hóa và dịch vụ	75.369	1.411.822
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con	Chi hộ	-	4.964.875
		Lãi cho vay	18.758.500	15.803.280
		Cho vay	15.000.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con	Mượn tiền	14.136.164	-
Công ty TNHH MTV Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	22.028.472	20.678.860
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	2.059.641
Ông Lê Văn Thạch	Cổ đông	Cho vay	15.000.000	-
		Lãi cho vay	12.311.300	3.062.520
		Nhận chuyển nhượng cổ phần	11.920.000	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.846.282	77.854
		Mua hàng hóa và dịch vụ	-	3.288.952
		Mua tài sản	-	597.096
Ông Trần Quang Dũng	Phó Giám đốc công ty con	Lãi cho vay	2.935.667	2.633.880
		Cho mượn	915.000	478.330
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	68.368	1.287.142

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động sản An Phú	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	607.084	646.600
Ông Nguyễn Văn Quý	Cổ đồng	Mượn tiền	212.699.762	-
		Cho vay	43.000.000	-
		Cho mượn	24.500.000	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	2.764.667	495.300
		Lãi cho vay	1.036.783	-
Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Dược Thú Y Nasa	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	39.502.824	-
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	Cho vay	-	159.863

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngàn VND Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 6)</i>				
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	477.906.173	53.347.003
Công ty TNHH MTV Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.265.606	2.265.606
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	291.599	5.115.070
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	521.053	449.761
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	35.866.935
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan (đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Cung cấp dịch vụ xây dựng Bán tài sản cố định	- - -	4.420.359 3.764.302 1.748.337
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	-	27.595.944
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	-	5.501.714
			480.984.431	140.075.031

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 7)				
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	482.478.677	-
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	130.642.069	1.652.520
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Nhà Máy nhựa	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	7.368.500	10.673.489
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	-	247.218
			620.489.246	12.573.227

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Số cuối năm	Ngàn VND	
				Số đầu năm	
Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 8)					
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	4,80 - 8,00	2.753.404.202	4.120.545.983	
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	-	501.373.770	1.351.784.995	
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	7,525 - 10,00	604.350.086	22.179.629	
Ông Nguyễn Kim Luân	Cổ đông	8,60 - 10,00	85.260.790	251.431.000	
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty liên quan	8,60	5.865.308	26.000	
Ông Nguyễn Văn Quý	Cổ đông	9,00	500.000	-	
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con	-	56.156	30.000.000	
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan (đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)	6,15	-	500.000.000	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	10,00	-	102.165.041	
Ông Lê Văn Thạch	Cổ đông	-	-	15.000.000	
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	8,60 - 12,00	-	4.209.929	
			3.950.810.312	6.397.342.577	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Số cuối năm	Ngàn VND
				Số đầu năm
Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 8)				
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	-	883.510.127	636.677.272
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	4,80	260.400.000	665.818.080
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con	8,00 - 8,60	133.800.000	253.800.000
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	4,80 - 10,00	149.144.000	213.020.219
Ông Lê Văn Thạch	Cổ đông	4,80 - 8,60	141.900.000	126.900.000
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	-	109.304.691	105.918.838
Ông Trần Quang Dũng	Phó giám đốc công ty con	4,80 - 8,60	22.300.000	42.300.000
Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	-	16.254.632	15.751.124
Công ty Cổ Phần Gia Súc Lơ Pang	Công ty liên quan (đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)	7,575	-	178.816.833
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	8,60	-	124.747.486
			1.716.613.450	2.363.749.852

Các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn đã được phê duyệt tại kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông ngày 9 tháng 4 năm 2022, phù hợp với các điều khoản và quy định liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Nghị định 71/2017/ND-CP do Chính phủ ban hành ngày 6 tháng 6 năm 2017 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 9)				
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Lãi cho vay	649.991.651	404.394.310
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Lãi cho vay	68.960.638	72.491
		Cho mượn	1.300.000	1.300.000
		Khác	22.000	22.000
Ông Nguyễn Kim Luân	Cổ đông	Lãi cho vay	7.227.496	4.427.049
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	4.115.880	-
		Cho mượn	800.535	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	-	23.856.246
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	-	10.812
		Cho mượn	-	7.486.903
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan (đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)	Lãi cho vay	-	26.200.685
		Cho mượn	-	10.699.989
		Khác	-	1.520.465
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Khác	454.400	614.990
			732.872.600	480.605.940

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngàn VND Số đầu năm</i>
<i>Phải thu dài hạn khác (TM số 9)</i>				
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	HĐHTKD Lãi cho vay	440.000.000 27.303.606	440.000.000 23.379.954
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con	Lãi cho vay	39.398.260	19.829.760
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Lãi cho vay	38.862.320	50.880.235
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	10.342.357	10.021.989
Ông Lê Văn Thạch	Cổ đồng	Lãi cho vay	15.698.411	15.805.440
Ông Trần Quang Dũng	Phó giám đốc công ty con	Lãi cho vay	6.257.627	3.321.960
Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	1.588.193	1.538.997
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	-	43.144.374
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan (đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)	Lãi cho vay	-	31.534.787
			579.450.774	639.457.496

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 18)				
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy nhựa	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	20.123.754	23.380.474
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Dược Thú y Nasa	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	8.912.300	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	7.509.227	-
Công ty TNHH MTV Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	6.856.363	1.883.340
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	2.699.175	9.257.375
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động Sản An Phú	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	911.173	-
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan (đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)	Mua hàng hóa và dịch vụ Mua tài sản cố định	- -	66.675.236 33.473.380
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	2.081.090
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh chế biến hoa quả	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	1.497.279
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	73.306	482.444
			47.085.298	138.730.618

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngàn VND</i>				
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 19)				
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Ứng tiền mua hàng hóa	216.352.500	11.295.473
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy nhựa	Công ty liên quan	Ứng tiền mua hàng hóa	8.228.718	-
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan (đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)	Ứng tiền mua hàng hóa	-	302.565.957
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Ứng tiền mua hàng hóa	450	-
			224.581.668	313.861.430
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 22)				
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Mượn tiền	10.415.275	10.415.275
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Khác	39.720	682.739
Ông Trần Quang Dũng	Phó giám đốc công ty con	Khác	468.697	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Mượn tiền	272.700	272.700
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan (đến ngày 31 tháng 3 năm 2022)	Lãi phạt	-	6.739.726
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Khác	4.932	4.500
			11.201.324	18.114.940
Phải trả dài hạn khác (TM số 22)				
Ông Nguyễn Văn Quý	Cổ đông	Mượn tiền	207.699.762	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đang được hưởng tại Công ty trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	2.574.084	2.662.428
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	2.129.349	2.214.202
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	1.547.330	1.519.645
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	1.271.810	1.286.280
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng BKS	766.299	715.560
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên HĐQT	256.500	243.000
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên BKS	277.780	343.077
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên BKS	163.800	97.200
Ông Trần Văn Dai	Thành viên độc lập	108.000	-
Các cá nhân khác		1.535.698	1.252.708
TỔNG CỘNG		10.630.650	10.334.100

Ngoài ra, các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc còn được hưởng tại các công ty con trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	175.500	162.000
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	93.600	83.700
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	58.500	54.000
TỔNG CỘNG		327.600	299.700

(*) Bao gồm tiền lương và/hoặc các khoản thù lao khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn thuê các lô đất khác nhau tại Việt Nam và Lào để xây dựng nhà xưởng, cầu lạc bộ bóng đá, khách sạn, văn phòng, nuôi gia súc và trồng các loại cây ăn trái. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, tiền thuê cam kết theo hợp đồng thuê các lô đất này được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Dưới 1 năm	4.190.459	3.396.264
Từ 1 đến 5 năm	28.248.534	13.121.612
Trên 5 năm	97.558.182	100.473.334
TỔNG CỘNG	129.997.175	116.991.210

Các cam kết bảo lãnh

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn đang dùng các tài sản sau để đảm bảo cho các khoản vay của HNG và các công ty con của HNG. Chi tiết như sau:

- 64.375.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty;
- Quyền sử dụng và khai thác 453,65 ha (150 ha chanh dây, 229,25 ha bơ, 74,4 ha mít thái) đất thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng;
- Quyền khai thác và tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất, tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 71,4 ha tại Bản Houy Kong, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng;
- Quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất, tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 148 ha tại Bản Hatsan, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay; và
- Quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất, tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 147,7 ha tại Bản Hatsan, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay.

Ngoài ra, theo Hợp đồng Tín dụng Số 01/2015/7694660/HĐTD ký ngày 24 tháng 9 năm 2015 và Hợp đồng Tín dụng Số 01/2018/7694660/HĐTD ký ngày 2 tháng 10 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Bá Thước ("Bá Thước") và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hoá ("BIDV"), Công ty đã cam kết bảo lãnh cho Bá Thước vay vốn tại BIDV theo Thư Bảo lãnh Vay vốn Số 0109/CV-BLHAGL ký ngày 1 tháng 9 năm 2015 với tổng dư nợ gốc là 160.000.000 ngàn VND cùng toàn bộ lãi, phí và phạt phát sinh (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Các loại ngoại tệ:		
- Đồng KIP Lào (LAK)	4.065.442.997	6.534.440.081
- Đô la Mỹ (USD)	322.796	602.669
- Đồng Euro (EUR)	179	190
Nợ khó đòi đã xử lý		
- Công ty TNHH MTV Xây Lắp Điện	6.992.216	6.992.216
- Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai - Kontum	3.720.000	3.720.000

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu, theo đó:

- Doanh thu bộ phận bán hàng ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng, nếu doanh thu bán hàng ra bên ngoài của mỗi bộ phận đó chiếm từ 10% tổng doanh thu trở lên của doanh nghiệp bán hàng ra bên ngoài;
- Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận theo vị trí của tài sản, nếu tài sản của mỗi bộ phận đó chiếm từ 10% tổng tài sản trở lên của toàn bộ các khu vực địa lý; và
- Tổng chi phí đã phát sinh trong năm để mua tài sản cố định - tài sản bộ phận dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một năm (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác) theo vị trí của tài sản, nếu tài sản của bộ phận đó chiếm từ 10% tổng tài sản trở lên của các bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

36.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn được xác định theo địa điểm của tài sản của Tập đoàn. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Tập đoàn.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Sản xuất: sản xuất và bán phân bón, ống nhựa và các công cụ dụng cụ khác dùng trong nông nghiệp;
- Thương mại và dịch vụ: quản lý tài sản và mua bán hàng hóa;
- Xây dựng: xây dựng chuồng trại; và
- Nông nghiệp: trồng và thu hoạch cây ăn quả, chăn nuôi heo, bò.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Tập đoàn chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Báo cáo bộ phận của hoạt động kinh doanh khách sạn và bóng đá đã được trình bày vào hoạt động thương mại và dịch vụ trong năm vì đây không phải là hoạt động chính của Tập đoàn hiện nay.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

36.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	<i>Ngàn VND</i>			
	<i>Thương mại và dịch vụ</i>	<i>Nông nghiệp</i>	<i>Loại trừ</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021				
<i>Doanh thu</i>				
Từ khách hàng bên ngoài	533.468.038	1.563.950.328	-	2.097.418.366
Giữa các bộ phận	964.289.519	648.791.960	(1.613.081.479)	-
Tổng cộng	1.497.757.557	2.212.742.288	(1.613.081.479)	2.097.418.366
Kết quả của bộ phận	28.242.811	478.727.416	-	506.970.227
Chi phí không phân bổ				(276.542.674)
Lỗ trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính				230.427.553
Thu nhập tài chính				735.078.612
Chi phí tài chính				(1.090.293.038)
Lỗ từ công ty liên kết				(5.819.760)
Lỗ trước thuế				(130.606.633)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(885.768)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại				259.098.512
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm				127.606.111
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021				
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>				
Tài sản của bộ phận	1.379.555.497	16.981.831.457	-	18.361.386.954
Tiền				78.298.037
Đầu tư vào công ty liên kết				-
Tổng tài sản				18.439.684.991
Nợ phải trả của bộ phận	(169.209.645)	(13.086.630.775)	-	(13.255.840.420)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(510.611.231)	-	(510.611.231)
Tổng nợ phải trả				(13.766.451.651)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

36.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Ngàn VND			
	<i>Thương mại và dịch vụ</i>	<i>Nông nghiệp</i>	<i>Loại trừ</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022				
<i>Doanh thu</i>				
Từ khách hàng bên ngoài	1.217.320.256	3.893.461.631	-	5.110.781.887
Giữa các bộ phận	1.390.034.688	421.281.581	(1.811.316.269)	-
Tổng cộng	2.607.354.944	4.314.743.212	(1.811.316.269)	5.110.781.887
Kết quả của bộ phận	100.897.651	1.072.503.367	-	1.173.401.018
Chi phí không phân bổ				1.017.820.343
Lỗ trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính				2.191.221.361
Thu nhập tài chính				486.143.713
Chi phí tài chính				(1.649.147.246)
Lỗ trước thuế				1.028.217.828
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(3.649.540)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại				100.106.552
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm				1.124.674.840
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022				
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>				
Tài sản của bộ phận	8.971.635.994	10.754.379.034	-	19.726.015.028
Tiền				72.372.525
Tổng tài sản				19.798.387.553
Nợ phải trả của bộ phận	(7.462.073.561)	(6.725.563.957)	-	(14.187.637.518)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(416.006.694)	-	(416.006.694)
Tổng nợ phải trả				(14.603.644.212)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

36.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau.

	Việt Nam	Lào	Campuchia	Khác	Ngàn VND Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021					
<i>Doanh thu</i>					
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	1.130.544.964	620.339.519	-	346.533.883	2.097.418.366
Chi phí hình thành tài sản cố định	690.730.524	245.779.318	-	-	936.509.842
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021					
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>					
Tài sản bộ phận	14.380.934.619	3.980.452.335	-	-	18.361.386.954
Tiền					78.298.037
Đầu tư vào công ty liên kết					
Tổng tài sản					18.439.684.991
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022					
<i>Doanh thu</i>					
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	3.584.289.426	677.685.411	-	848.807.050	5.110.781.887
Chi phí hình thành tài sản cố định	287.481.478	314.348.786	-	-	601.830.264
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022					
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>					
Tài sản bộ phận	16.673.301.935	3.052.713.093	-	-	19.726.015.028
Tiền					72.372.525
Tổng tài sản					19.798.387.553

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

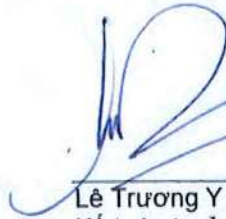
37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông Số 02021/NQĐHĐCĐ-BAPI.23 ngày 13 tháng 1 năm 2023 của Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai ("BAPI"), công ty con của Công ty, các cổ đông của BAPI đã phê duyệt việc chào bán riêng lẻ 5.000.000 cổ phiếu với giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu để tăng vốn cổ phần nhằm mục đích mở rộng sản xuất kinh doanh. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 01/23/NQHĐQT-HAGL ngày 19 tháng 1 năm 2023, Công ty đã phê duyệt việc đăng ký mua 650.000 cổ phần trong tổng số 5.000.000 cổ phần được phát hành. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong BAPI giảm từ 55% xuống 34%.

Ngoài sự kiện được nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.



Nguyễn Thị Hạnh Thương
Người lập



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

